

THÔNG TƯ

Quy định về hoàn thuế giá trị gia tăng đối với hàng hoá của người nước ngoài, người Việt Nam định cư ở nước ngoài mang theo khi xuất cảnh

Căn cứ Luật thuế giá trị gia tăng số 13/2008/QH12 ngày 3 tháng 6 năm 2008; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thuế giá trị gia tăng số 31/2013/QH13 ngày 19 tháng 6 năm 2013;

Căn cứ Luật Quản lý thuế số 78/2006/QH10 ngày 29 tháng 11 năm 2006; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật quản lý thuế 21/2012/QH13 ngày 20 tháng 11 năm 2012

Căn cứ Nghị định số 83/2013/NĐ-CP ngày 22 tháng 7 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật quản lý thuế và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật quản lý thuế;

Căn cứ Nghị định số 209/2013/NĐ-CP ngày 18/12/2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều Luật thuế giá trị gia tăng;

Căn cứ Nghị định số 215/2013/NĐ-CP ngày 23 tháng 12 năm 2013 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính,

Thực hiện ý kiến chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại công văn số 806/TTg-KTTH ngày 30 tháng 5 năm 2014;

Theo đề nghị của Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan;

Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Thông tư quy định về hoàn thuế giá trị gia tăng đối với hàng hoá của người nước ngoài, người Việt Nam định cư ở nước ngoài mang theo khi xuất cảnh như sau:

Mục 1

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này quy định về hoàn thuế giá trị gia tăng đối với hàng hoá của người nước ngoài, người Việt Nam định cư tại nước ngoài theo quy định tại khoản 7 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thuế giá trị gia tăng

số 31/2013/NĐ-CP ngày 19/6/2013 và khoản 8 Điều 10 Nghị định số 209/2013/NĐ-CP ngày 23/12/2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật thuế giá trị gia tăng qua các cửa khẩu sân bay quốc tế, cảng biển quốc tế có đủ điều kiện quản lý nhà nước về hải quan (sau đây gọi tắt là cửa khẩu hoàn thuế).

Điều 2. Đối tượng áp dụng :

1) Người nước ngoài, người Việt Nam định cư ở nước ngoài, trừ thành viên của Tổ bay theo quy định của pháp luật về hàng không, thành viên của Đoàn thủy thủ theo quy định của pháp luật về hàng hải (sau đây gọi tắt là người nước ngoài) mang hộ chiếu hoặc giấy tờ nhập xuất cảnh do nước ngoài cấp còn giá trị và sử dụng giấy tờ đó để nhập xuất cảnh Việt Nam, mua hàng hóa tại Việt Nam và mang theo hàng hóa ra nước ngoài qua các cửa khẩu hoàn thuế.

2) Cơ quan hải quan, công chức hải quan, cơ quan thuế, công chức thuế có liên quan đến việc thực hiện hoàn thuế giá trị gia tăng cho người nước ngoài.

3) Doanh nghiệp được lựa chọn bán hàng hoàn thuế giá trị gia tăng cho người nước ngoài xuất cảnh, bao gồm: doanh nghiệp, chi nhánh, cửa hàng của doanh nghiệp, đại lý bán hàng cho doanh nghiệp (sau đây gọi tắt là doanh nghiệp bán hàng).

4) Ngân hàng thương mại được lựa chọn là đại lý hoàn thuế giá trị gia tăng cho người nước ngoài (sau đây gọi tắt là ngân hàng thương mại).

5) Tổ chức, cá nhân khác khi thực hiện các công việc có liên quan đến hoàn thuế giá trị gia tăng cho người nước ngoài.

Điều 3. Nguyên tắc tiến hành thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát hải quan, quản lý thuế

Việc kiểm tra thực tế hàng hóa, giám sát hải quan, quản lý thuế đối với việc hoàn thuế giá trị gia tăng cho người nước ngoài được thực hiện theo nguyên tắc quy định tại Điều 3 Nghị định số 154/2005/NĐ-CP ngày 15 tháng 12 năm 2005 của Chính phủ quy định về thủ tục hải quan, chế độ kiểm tra, giám sát hải quan; Điều 3 Thông tư số 128/2013/TT-BTC ngày 10/9/2013 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về thủ tục hải quan; kiểm tra, giám sát hải quan; thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu và quản lý thuế đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu; Điều 4 Luật Quản lý thuế số 78/2006/QH10 ngày 29 tháng 11 năm 2006; Khoản 1 Điều 1 Luật số 21/2012/QH13 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật quản lý thuế; Điều 4 Nghị định số 83/2013/NĐ-CP ngày 22 tháng 7 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật quản lý thuế và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật quản lý thuế và các văn bản hướng dẫn thực hiện.

Điều 4. Địa điểm kiểm tra hàng hóa, kiểm tra hóa đơn kiêm tờ khai hoàn thuế và địa điểm trả tiền hoàn thuế giá trị gia tăng

1. Địa điểm kiểm tra hàng hoá, hóa đơn kiêm tờ khai hoàn thuế được đặt trong khu vực làm thủ tục gửi hành lý và/ hoặc khu vực kiểm tra thẻ lên tàu bay/tàu biển và đảm bảo các điều kiện sau:

a) Có đủ diện tích mặt bằng cần thiết để sắp xếp, kiểm tra hàng hoá, kiểm tra hoá đơn kiêm tờ khai hoàn thuế;

b) Có quầy (hoặc kiốt) riêng, đáp ứng các yêu cầu về an toàn, trật tự.

2. Địa điểm trả tiền hoàn thuế giá trị gia tăng được đặt trong khu vực cách ly sân bay quốc tế, khu vực hoàn thuế tại cảng biển quốc tế, có quầy (hoặc kiốt) riêng, đảm bảo các điều kiện về quản lý tiền, chứng từ kế toán theo quy định của pháp luật.

Điều 5. Quyền, nghĩa vụ của người nước ngoài

1. Được hoàn thuế giá trị gia tăng đối với hàng hoá đáp ứng quy định tại Điều 11 Thông tư này.

2. Được hướng dẫn, cung cấp thông tin, tài liệu có liên quan để thực hiện nghĩa vụ, quyền lợi về thuế.

3. Kiểm tra các thông tin ghi trên hoá đơn giá trị gia tăng kiêm tờ khai hoàn thuế (sau đây gọi tắt là hoá đơn kiêm tờ khai hoàn thuế) do doanh nghiệp bán hàng lập khi mua hàng theo mẫu quy định tại Phụ lục 3 Thông tư này.

4. Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, tính hợp pháp, trung thực của hộ chiếu, giấy tờ nhập, xuất cảnh xuất trình cho doanh nghiệp bán hàng khi mua hàng; hộ chiếu, giấy tờ nhập xuất cảnh, hàng hoá, hoá đơn kiêm tờ khai hoàn thuế xuất trình cho cơ quan hải quan và hồ sơ xuất trình cho ngân hàng thương mại làm đại lý hoàn thuế khi xuất cảnh.

5. Nộp hóa đơn kiêm tờ khai hoàn thuế và xuất trình hàng hóa chậm nhất 30 phút để cơ quan hải quan kiểm tra trước khi tàu bay/tàu biển khởi hành.

6. Khiếu nại, khởi kiện quyết định hành chính, hành vi hành chính liên quan đến quyền và lợi ích hợp pháp của mình.

7. Tố cáo các hành vi vi phạm pháp luật của công chức hải quan, công chức thuế và tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

Điều 6. Quyền, nghĩa vụ của doanh nghiệp bán hàng hoàn thuế giá trị gia tăng

1. Được áp dụng các hình thức tuyên truyền, quảng cáo bán hàng hoàn thuế giá trị gia tăng cho người nước ngoài xuất cảnh phù hợp với quy định của pháp luật về quảng cáo.

2. Đăng ký việc bán hàng đúng địa chỉ và chịu trách nhiệm trước pháp luật về việc đăng ký bán hàng hoàn thuế giá trị gia tăng.

3. Trưng Bỉnh thông báo doanh nghiệp bán hàng hoàn thuế giá trị gia tăng (nội dung thể hiện bằng Tiếng Việt và Tiếng Anh) và gỡ bỏ Bỉnh thông báo doanh nghiệp bán hàng hoàn thuế giá trị gia tăng khi chấm dứt việc bán hàng hoàn thuế.

4. Được cơ quan thuế, cơ quan hải quan hướng dẫn việc thực hiện liên quan đến hoàn thuế giá trị gia tăng cho người nước ngoài.

5. Hỗ trợ, hướng dẫn người nước ngoài thực hiện hoàn thuế giá trị gia tăng đối với hàng hóa của người nước ngoài mua tại Việt Nam mang theo khi xuất cảnh theo hướng dẫn tại Thông tư này.

6. Căn cứ các thông tin trên hộ chiếu hoặc giấy tờ nhập xuất cảnh còn giá trị và hàng hóa người nước ngoài mua, doanh nghiệp bán hàng lập hóa đơn kiêm tờ khai hoàn thuế cho hàng hóa thuộc đối tượng hoàn thuế giá trị gia tăng đáp ứng quy định tại Điều 11 Thông tư này, đầy đủ thông tin theo mẫu quy định tại Phụ lục 3 Thông tư này, giao cho người nước ngoài 01 liên dùng cho khách hàng.

7. In, phát hành, quản lý và sử dụng hóa đơn kiêm tờ khai hoàn thuế, thực hiện chế độ báo cáo theo đúng quy định của pháp luật về hóa đơn bán hàng hóa, cung ứng dịch vụ và hướng dẫn tại Thông tư này.

8. Tham gia vào hệ thống quản lý hoàn thuế giá trị gia tăng cho người nước ngoài theo phương thức điện tử của cơ quan quản lý thuế.

9. Thực hiện quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Quản lý thuế và pháp luật khác có liên quan.

Điều 7. Quyền, nghĩa vụ của ngân hàng thương mại

1. Được cơ quan hải quan, cơ quan thuế hướng dẫn việc triển khai thực hiện hoàn thuế giá trị gia tăng cho người nước ngoài.

2. Trưng Bỉnh thông báo ngân hàng thương mại làm đại lý hoàn thuế giá trị gia tăng cho người nước ngoài tại quầy làm thủ tục hoàn thuế (nội dung thể hiện bằng Tiếng Việt và Tiếng Anh) và gỡ bỏ Bỉnh thông báo ngân hàng thương mại làm đại lý hoàn thuế giá trị gia tăng khi chấm dứt việc làm đại lý hoàn thuế.

3. Được hưởng tiền phí dịch vụ hoàn thuế khi thực hiện hoàn thuế giá trị gia tăng cho người nước ngoài theo quy định tại Điều 12 Thông tư này.

4. Kê khai, nộp các khoản thuế theo quy định đối với số tiền phí dịch vụ hoàn thuế được hưởng khi thực hiện hoàn thuế giá trị gia tăng cho người nước ngoài.

5. Kiểm tra hồ sơ hoàn thuế, bố trí nhân sự, cơ sở vật chất, ứng trước và thực hiện hoàn trả tiền thuế giá trị gia tăng cho người nước ngoài, làm thủ tục thanh toán với cơ quan thuế theo đúng quy định tại Điều 21 Thông tư này.

6. Bán ngoại tệ tự do chuyên đổi cho người nước ngoài được hoàn thuế khi người nước ngoài yêu cầu chuyển đổi số tiền thuế giá trị gia tăng được hoàn sang ngoại tệ, thực hiện chế độ báo cáo theo đúng quy định của pháp luật.

7. Lưu trữ hồ sơ liên quan đến việc hoàn thuế giá trị gia tăng cho người nước ngoài và hồ sơ thanh toán tiền ứng trước, tiền phí dịch vụ hoàn thuế giá trị gia tăng cho người nước ngoài theo đúng quy định của pháp luật.

8. Thông báo thông tin vi phạm phát hiện qua công tác kiểm tra hồ sơ hoàn thuế cho cơ quan có thẩm quyền để xử lý theo quy định của pháp luật.

9. Tham gia vào hệ thống quản lý hoàn thuế giá trị gia tăng cho người nước ngoài theo phương thức điện tử của cơ quan quản lý thuế.

10. Thực hiện quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Quản lý thuế và pháp luật khác có liên quan.

Điều 8. Trách nhiệm, quyền hạn của cơ quan hải quan

1. Tuyên truyền, phổ biến, hướng dẫn, giải thích, cung cấp thông tin liên quan đến việc hoàn thuế giá trị gia tăng cho người nước ngoài.

2. Kiểm tra hộ chiếu hoặc giấy tờ nhập xuất cảnh, hoá đơn kiêm tờ khai hoàn thuế, kiểm tra hàng hoá người nước ngoài xuất trình tại địa điểm kiểm tra hóa đơn kiêm tờ khai hoàn thuế.

3. Chi cục trưởng Chi cục hải quan quyết định việc tiếp nhận hóa đơn kiêm tờ khai hoàn thuế và hàng hóa xuất trình chậm sau thời hạn quy định tại khoản 5 Điều 5 Thông tư này.

4. Tiếp nhận hồ sơ, trình Bộ Tài chính lựa chọn Ngân hàng thương mại làm đại lý hoàn thuế theo đúng quy định tại Điều 15 Thông tư này.

5. Cập nhật thông tin về người nước ngoài và số tiền thuế giá trị gia tăng người nước ngoài thực tế được hoàn vào cơ sở dữ liệu về hoàn thuế giá trị gia tăng cho người nước ngoài.

6. Phối hợp với Kho bạc Nhà nước, Cục Thuế đồng cấp rà soát, đối chiếu số tiền thuế giá trị gia tăng ngân hàng thương mại đã ứng trước hoàn trả người nước ngoài, tiền phí dịch vụ hoàn thuế đã thanh toán cho ngân hàng thương mại để đảm bảo khớp đúng số liệu giữa các bên.

7. Xây dựng hệ thống quản lý hoàn thuế giá trị gia tăng cho người nước ngoài theo phương thức điện tử của cơ quan quản lý thuế.

8. Giải quyết khiếu nại, tố cáo liên quan đến việc thực hiện hoàn thuế giá trị gia tăng cho người nước ngoài trong phạm vi trách nhiệm được giao.

9. Xử phạt, kiến nghị cơ quan có thẩm quyền xử phạt các hành vi vi phạm quy định về hoàn thuế giá trị gia tăng cho người nước ngoài theo quy định của pháp luật.

10. Thực hiện trách nhiệm và quyền hạn khác theo quy định của Luật Quản lý thuế và pháp luật khác có liên quan.

Điều 9. Trách nhiệm, quyền hạn của cơ quan thuế

1. Hỗ trợ, tuyên truyền, phổ biến, hướng dẫn, giải thích, cung cấp thông tin liên quan đến việc hoàn thuế giá trị gia tăng cho người nước ngoài.

2. Tiếp nhận hồ sơ, lựa chọn doanh nghiệp bán hàng theo đúng quy định tại Thông tư này.

3. Kiểm tra hồ sơ, làm thủ tục thanh toán số tiền thuế giá trị gia tăng ngân hàng thương mại đã ứng trước hoàn trả cho người nước ngoài và tiền phí dịch vụ hoàn thuế ngân hàng thương mại được hưởng để Kho bạc Nhà nước làm thủ tục chuyển tiền theo hướng dẫn tại Thông tư này.

4. Lưu trữ hồ sơ thanh toán tiền thuế giá trị gia tăng, tiền phí dịch vụ hoàn thuế ngân hàng thương mại được hưởng theo quy định của pháp luật.

5. Chủ trì phối hợp với Kho bạc Nhà nước, Cục Hải quan đồng cấp rà soát, đối chiếu số tiền thuế giá trị gia tăng ngân hàng thương mại đã ứng trước hoàn trả người nước ngoài (khi đối chiếu có danh sách chi tiết kèm theo), tiền phí dịch vụ hoàn thuế đã thanh toán cho ngân hàng thương mại để đảm bảo khớp đúng số liệu giữa các bên.

6. Xử phạt các hành vi vi phạm quy định về hóa đơn theo quy định của pháp luật.

7. Giải quyết khiếu nại, tố cáo liên quan đến việc thực hiện hoàn thuế giá trị gia tăng cho người nước ngoài trong phạm vi trách nhiệm được giao.

8. Tham gia vào hệ thống quản lý hoàn thuế giá trị gia tăng cho người nước ngoài theo phương thức điện tử của cơ quan quản lý thuế.

9. Thực hiện trách nhiệm và quyền hạn khác theo quy định của Luật Quản lý thuế và pháp luật khác có liên quan.

Điều 10. Trách nhiệm, quyền hạn của Kho bạc Nhà nước

1. Chuyển cho ngân hàng thương mại số tiền thuế giá trị gia tăng ngân hàng thương mại đã ứng trước và tiền phí dịch vụ hoàn thuế ngân hàng thương mại được hưởng theo hướng dẫn tại Thông tư này.

2. Phối hợp với Cục Thuế, Cục Hải quan đồng cấp rà soát, đối chiếu số tiền thuế giá trị gia tăng ngân hàng thương mại đã ứng trước hoàn trả người nước ngoài, tiền phí dịch vụ hoàn thuế đã thanh toán cho ngân hàng thương mại để đảm bảo khớp đúng số liệu giữa các bên.

3. Lưu trữ hồ sơ chuyển tiền hoàn trả số tiền thuế giá trị gia tăng ngân hàng thương mại đã ứng trước và tiền phí dịch vụ hoàn thuế ngân hàng thương mại được hưởng theo quy định của pháp luật.

4. Giải quyết khiếu nại, tố cáo liên quan đến việc thanh toán thuế giá trị gia tăng cho người nước ngoài trong phạm vi trách nhiệm được giao.

5. Tham gia vào hệ thống quản lý hoàn thuế giá trị gia tăng cho người nước ngoài theo phương thức điện tử của cơ quan quản lý thuế.

6. Thực hiện trách nhiệm và quyền hạn khác theo quy định của pháp luật.

Mục 2

NHỮNG QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Điều 11. Hàng hoá được hoàn thuế giá trị gia tăng

Hàng hoá được hoàn thuế giá trị gia tăng là hàng hóa đáp ứng quy định sau:

1. Hàng hóa không thuộc Danh mục hàng hóa cấm xuất khẩu; Danh mục hàng hóa xuất khẩu theo giấy phép của Bộ Thương mại (nay là Bộ Công thương) hoặc Danh mục hàng hoá xuất khẩu thuộc diện quản lý chuyên ngành quy định tại Nghị định số 187/2013/NĐ-CP ngày 20/11/2013 của Chính phủ và các văn bản hướng dẫn Nghị định này.

2. Hàng hóa thuộc đối tượng chịu thuế giá trị gia tăng được quy định tại Điều 3 Luật thuế giá trị gia tăng số 13/2008/QH12 ngày 3 tháng 6 năm 2008 và các văn bản hướng dẫn thực hiện.

3. Hàng hoá không thuộc đối tượng cấm đưa lên tàu bay quy định tại Điều 12 Luật Hàng không dân dụng Việt Nam ngày 29 tháng 6 năm 2006 và các văn bản hướng dẫn thực hiện.

4. Hàng hóa không thuộc các mặt hàng được hoàn thuế giá trị gia tăng của người nước ngoài theo quy định tại Thông tư số 08/2003/TT-BTC ngày 15/1/2003 của Bộ Tài chính hướng dẫn hoàn thuế giá trị gia tăng đối với cơ quan đại diện ngoại giao, cơ quan lãnh sự và cơ quan đại diện của tổ chức quốc tế tại Việt Nam.

5. Hàng hoá mua tại Việt Nam, có hoá đơn kiêm tờ khai hoàn thuế được lập trong thời gian tối đa 60 (sáu mươi) ngày tính đến ngày người nước ngoài xuất cảnh.

6. Trị giá hàng hoá ghi trên hoá đơn kiêm tờ khai hoàn thuế mua tại 01 (một) cửa hàng trong 01 (một) ngày (kể cả cộng gộp nhiều hoá đơn mua hàng trong cùng 01 ngày tại 01 cửa hàng) tối thiểu từ 02 (hai) triệu đồng trở lên.

Điều 12. Phí dịch vụ hoàn thuế, số tiền được hoàn thuế, đồng tiền hoàn thuế giá trị gia tăng

1. Phí dịch vụ hoàn thuế ngân hàng thương mại được hưởng bằng 15% (mười lăm phần trăm) trên tổng số tiền thuế giá trị gia tăng của số hàng hóa đủ điều kiện được hoàn thuế giá trị gia tăng do người nước ngoài mang theo khi xuất cảnh qua cửa khẩu hoàn thuế.

2. Số tiền thuế giá trị gia tăng người nước ngoài được hoàn bằng 85% (tám mươi lăm phần trăm) trên tổng số tiền thuế giá trị gia tăng của số hàng hóa đủ điều kiện được hoàn thuế giá trị gia tăng do người nước ngoài mang theo khi xuất cảnh qua cửa khẩu hoàn thuế.

3. Đồng tiền hoàn thuế là đồng Việt Nam. Trường hợp người nước ngoài có yêu cầu được chuyển số tiền hoàn thuế từ đồng Việt Nam sang ngoại tệ tự do chuyển đổi thì ngân hàng thương mại thực hiện bán ngoại tệ cho người nước ngoài theo quy định của pháp luật.

Tỷ giá chuyển đổi là tỷ giá do ngân hàng thương mại niêm yết tại thời điểm chuyển đổi và phù hợp với quy định của Ngân hàng nhà nước Việt Nam.

Điều 13. Điều kiện, hồ sơ, thủ tục lựa chọn doanh nghiệp bán hàng hoàn thuế giá trị gia tăng

1. Để được lựa chọn là doanh nghiệp bán hàng, doanh nghiệp phải đáp ứng các điều kiện sau đây:

a) Được thành lập và hoạt động theo quy định của pháp luật Việt Nam, có đăng ký bán hàng hoàn thuế giá trị gia tăng, kinh doanh các mặt hàng được hoàn thuế theo quy định tại Điều 11 Thông tư này tại một trong các địa điểm sau đây:

- Trụ sở chính của doanh nghiệp;
- Chi nhánh, cửa hàng của doanh nghiệp;
- Địa điểm đặt đại lý bán hàng cho doanh nghiệp;

b) Thực hiện chế độ kế toán, hoá đơn, chứng từ theo quy định của pháp luật; kê khai, nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ.

2. Hồ sơ đăng ký doanh nghiệp bán hàng hoàn thuế:

a) Công văn đăng ký tham gia bán hàng theo mẫu quy định tại Phụ lục 1 Thông tư này;

b) Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp: 01 bản chụp có đóng dấu xác nhận của doanh nghiệp;

c) Hợp đồng bán hàng đại lý ký giữa doanh nghiệp đăng ký bán hàng với cửa hàng bán hàng đại lý cho doanh nghiệp (đối với trường hợp là cửa hàng đại lý bán hàng cho doanh nghiệp): 01 bản chụp có đóng dấu xác nhận của doanh nghiệp.

3. Thủ tục chọn doanh nghiệp:

a) Doanh nghiệp gửi hồ sơ đăng ký đến cơ quan thuế quản lý trực tiếp doanh nghiệp;

b) Cơ quan thuế quản lý trực tiếp doanh nghiệp tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ và xử lý như sau:

- Nếu hồ sơ chưa đầy đủ, trong thời hạn ba (03) ngày làm việc, kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ có văn bản thông báo cho doanh nghiệp bổ sung hồ sơ;

- Nếu hồ sơ không đáp ứng điều kiện quy định, trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ có văn bản trả lời cho doanh nghiệp;

- Nếu hồ sơ đầy đủ, đáp ứng các điều kiện quy định, trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, cơ quan quản lý thuế trực tiếp doanh nghiệp báo cáo Cục Thuế tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương nơi doanh nghiệp đóng trụ sở chính, Cục Thuế tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương nơi doanh nghiệp đóng trụ sở chính có văn bản thông báo cho doanh nghiệp theo mẫu quy định tại Phụ lục 2 Thông tư này.

Điều 14. Đăng ký điều chỉnh, chấm dứt việc bán hàng hoàn thuế giá trị gia tăng

Trường hợp doanh nghiệp đã được Cục Thuế địa phương nơi doanh nghiệp đóng trụ sở chính thông báo đủ điều kiện bán hàng, nếu có điều chỉnh hoặc chấm dứt việc đăng ký bán hàng hoàn thuế thì xử lý như sau:

1. Trường hợp điều chỉnh việc bán hàng hoàn thuế:

a) Doanh nghiệp gửi cơ quan thuế quản lý trực tiếp công văn đăng ký điều chỉnh theo mẫu quy định tại Phụ lục 8 Thông tư này; Hợp đồng bán hàng đại lý ký giữa doanh nghiệp bán hàng hoàn thuế với cửa hàng nhận bán hàng đại lý cho doanh nghiệp (đối với trường hợp là cửa hàng đại lý bán hàng cho doanh nghiệp): 01 bản chụp có đóng dấu xác nhận của doanh nghiệp;

b) Thủ tục thực hiện như quy định tại khoản 3 Điều 13 Thông tư này.

2. Trường hợp chấm dứt việc bán hàng hoàn thuế:

a) Chậm nhất là 30 ngày trước ngày chấm dứt việc bán hàng hoàn thuế, doanh nghiệp gửi công văn thông báo chấm dứt việc bán hàng hoàn thuế giá trị gia tăng cho người nước ngoài đến cơ quan thuế quản lý trực tiếp;

b) Trong vòng 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày nhận được công văn của doanh nghiệp, cơ quan thuế quản lý trực tiếp kiểm tra, có văn bản báo cáo Cục Thuế tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương nơi doanh nghiệp đóng trụ sở chính để Cục Thuế tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có văn bản gửi doanh nghiệp, cơ quan hải quan, ngân hàng thương mại thông báo về việc chấm dứt bán hàng hoàn thuế đối với doanh nghiệp.

Doanh nghiệp tháo bỏ Biễn thông báo doanh nghiệp bán hàng hoàn thuế giá trị gia tăng cho người nước ngoài đã dán tại cửa hàng khi chấm dứt bán hàng hoàn thuế.

3. Trường hợp doanh nghiệp vi phạm các quy định về việc hoàn thuế giá trị gia tăng tại Thông tư này, Cục Thuế tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương xem xét, quyết định chấm dứt việc bán hàng hoàn thuế:

a) Cục Thuế tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có văn bản thông báo chấm dứt việc bán hàng hoàn thuế cho doanh nghiệp, đồng thời gửi cơ quan hải quan, ngân hàng thương mại và các đơn vị có liên quan;

b) Doanh nghiệp tháo bỏ Biễn thông báo doanh nghiệp bán hàng hoàn thuế giá trị gia tăng cho người nước ngoài đã dán tại cửa hàng khi chấm dứt bán hàng hoàn thuế.

Điều 15. Điều kiện, thủ tục lựa chọn Ngân hàng thương mại làm đại lý hoàn thuế giá trị gia tăng

1. Điều kiện: Là ngân hàng thương mại được hoạt động ngoại hối và cung ứng dịch vụ ngoại hối theo quy định của pháp luật về ngoại hối.

2. Thủ tục lựa chọn:

Ngân hàng thương mại nộp cho Bộ Tài chính (Tổng cục Hải quan) các giấy tờ sau đây:

a) Công văn đăng ký tham gia đại lý hoàn thuế giá trị gia tăng cho người nước ngoài;

b) Văn bản của Ngân hàng Nhà nước cấp cho ngân hàng thương mại được hoạt động ngoại hối và cung ứng dịch vụ ngoại hối: 01 bản chụp có đóng dấu xác nhận của ngân hàng thương mại.

3. Tổng cục Hải quan tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ do ngân hàng thương mại gửi.

a) Nếu hồ sơ chưa đầy đủ, trong thời hạn ba (03) ngày làm việc, kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ có văn bản thông báo cho ngân hàng bổ sung hồ sơ;

b) Nếu hồ sơ không đáp ứng điều kiện quy định, trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ có văn bản trả lời cho ngân hàng;

c) Nếu hồ sơ đầy đủ, đáp ứng các điều kiện quy định, trong thời hạn mười (10) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, Bộ Tài chính (Tổng cục Hải quan) phối hợp với Ngân hàng Nhà nước có văn bản thông báo ngân hàng thương mại đủ điều kiện tham gia đại lý hoàn thuế giá trị gia tăng.

4. Trên cơ sở đề nghị và cam kết của Ngân hàng thương mại, Tổng cục Hải quan thống nhất với Ngân hàng Nhà nước, Kho bạc Nhà nước, Tổng cục Thuế báo cáo Bộ Tài chính quyết định lựa chọn Ngân hàng thương mại phù hợp với thực tế từng cửa khẩu sân bay, cảng biển quốc tế.

Điều 16. Chấm dứt đại lý hoàn thuế giá trị gia tăng

1. Trường hợp ngân hàng thương mại đã được Bộ Tài chính có văn bản thông báo đủ điều kiện làm đại lý hoàn thuế, nếu chấm dứt việc làm đại lý hoàn thuế thì thực hiện như sau:

a) Hồ sơ: Chậm nhất là 60 (sáu mươi) ngày trước ngày chấm dứt việc làm đại lý hoàn thuế, Ngân hàng thương mại gửi Bộ Tài chính (Tổng cục Hải quan) công văn thông báo đề nghị chấm dứt việc làm đại lý hoàn thuế;

b) Thủ tục:

b1) Trong vòng 10 (mười) ngày làm việc kể từ ngày nhận được công văn của ngân hàng thương mại, Tổng cục Hải quan trình Bộ Tài chính có văn bản thông báo về việc chấm dứt việc làm đại lý hoàn thuế cho ngân hàng thương mại, đồng thời gửi cơ quan thuế, Ngân hàng Nhà nước và các đơn vị có liên quan;

b2) Ngân hàng thương mại tháo bỏ Biển thông báo là ngân hàng đại lý hoàn thuế giá trị gia tăng cho người nước ngoài tại quầy làm thủ tục hoàn thuế khi chấm dứt bán hàng hoàn thuế.

2. Trường hợp ngân hàng thương mại vi phạm các quy định về việc hoàn thuế giá trị gia tăng tại Thông tư này, Tổng cục Hải quan báo cáo Bộ Tài chính xem xét, quyết định chấm dứt việc làm đại lý hoàn thuế.

a) Bộ Tài chính (Tổng cục Hải quan) có văn bản yêu cầu chấm dứt việc làm đại lý hoàn thuế cho ngân hàng thương mại, đồng thời gửi cơ quan thuế, Ngân hàng Nhà nước và các đơn vị có liên quan;

b) Ngân hàng thương mại tháo bỏ Biển thông báo là ngân hàng đại lý hoàn thuế giá trị gia tăng cho người nước ngoài tại quầy làm thủ tục hoàn thuế khi chấm dứt bán hàng hoàn thuế

Điều 17. Thời điểm hoàn thuế giá trị gia tăng

1. Thời điểm hoàn thuế giá trị gia tăng cho người nước ngoài xuất cảnh được thực hiện ngay sau khi người nước ngoài hoàn thành thủ tục kiểm tra hóa đơn kiêm tờ khai hoàn thuế tại quầy hoàn thuế của ngân hàng thương mại làm đại lý hoàn thuế và trước giờ lên tàu bay/tàu biển của chuyến bay/chuyến tàu người nước ngoài xuất cảnh.

2. Cơ quan hải quan, ngân hàng thương mại có trách nhiệm bố trí cán bộ, công chức làm việc trong tất cả các ngày kể cả ngày lễ, chủ nhật và ngoài giờ làm việc hành chính để thực hiện hoàn trả tiền thuế giá trị gia tăng cho người nước ngoài theo quy định tại Thông tư này.

Điều 18. In, phát hành, quản lý, sử dụng hoá đơn kiêm tờ khai hoàn thuế giá trị gia tăng

1. Doanh nghiệp tự in hóa đơn kiêm tờ khai hoàn thuế theo mẫu quy định tại Phụ lục 3 Thông tư này.

Việc in, phát hành, quản lý và sử dụng hóa đơn kiêm tờ khai hoàn thuế thực hiện theo quy định tại Nghị định số 51/2010/NĐ-CP ngày 14/5/2010 của Chính phủ quy định về hoá đơn bán hàng hoá, cung ứng dịch vụ; Nghị định số 04/2014/NĐ-CP ngày 17/1/2014 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 51/2010/NĐ-CP và Thông tư số 39/2014/TT-BTC ngày 31/3/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành Nghị định số 51/2010/NĐ-CP ngày 14/5/2010 của Chính phủ và Nghị định số 04/2014/NĐ-CP ngày 17/1/2014 của Chính phủ quy định về hóa đơn bán hàng hóa, cung ứng dịch vụ.

2. Khi mua hàng, người nước ngoài xuất trình hộ chiếu hoặc giấy tờ nhập xuất cảnh do cơ quan nước ngoài cấp còn giá trị sử dụng (bản chính) cho doanh nghiệp bán hàng hoàn thuế. Doanh nghiệp căn cứ thông tin trên hộ chiếu, giấy tờ nhập xuất cảnh và hàng hoá người nước ngoài thực mua, lập hoá đơn kiêm tờ khai hoàn thuế theo mẫu quy định tại Phụ lục 3 Thông tư này.

3. Người nước ngoài kiểm tra các thông tin cửa hàng ghi nếu chưa khớp đúng đề nghị cửa hàng sửa lại, nếu đã chính xác thì ký vào hóa đơn kiêm tờ khai hoàn thuế.

4. Doanh nghiệp bán hàng hoàn thuế khi khai hồ sơ khai thuế giá trị gia tăng tháng, tại “cột ghi chú” của Bảng kê hoá đơn, chứng từ hàng hoá, dịch vụ bán ra mẫu 01-1/GTGT ban hành kèm theo Thông tư số 156/2013/TT-BTC ngày 6/11/2013 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Quản lý thuế; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quản lý thuế và Nghị định số 83/2013/NĐ-CP ngày 22/7/2013 của Chính phủ ghi cụm từ “Thông tư số 72/2014/TT-BTC” tương ứng của dòng hoá đơn để làm cơ sở tổng hợp báo cáo theo quy định tại Thông tư này.

5. Cập nhật thông tin trên hóa đơn kiêm tờ khai hoàn thuế do doanh nghiệp bán hàng hoàn thuế lập vào hệ thống quản lý hoàn thuế giá trị gia tăng cho người nước ngoài theo phương thức điện tử.

Điều 19. Xuất trình, kiểm tra hóa đơn kiêm tờ khai hoàn thuế và hàng hoá

1. Người nước ngoài xuất trình cho cơ quan hải quan tại quầy kiểm tra hóa đơn kiêm tờ khai hoàn thuế, hàng hóa, các giấy tờ sau đây:

- a) Hộ chiếu hoặc giấy tờ nhập xuất cảnh;
- b) Hoá đơn kiêm tờ khai hoàn thuế;
- c) Hàng hoá.

2. Cơ quan hải quan kiểm tra thực tế hàng hóa tại quầy kiểm tra hóa đơn kiêm tờ khai hoàn thuế, hàng hóa. Việc kiểm tra thực hiện như sau:

a) Đối chiếu xác định từng nội dung khớp đúng giữa thông tin ghi trên hộ chiếu hoặc giấy tờ nhập xuất cảnh với thông tin trên hóa đơn kiểm tờ khai hoàn thuế và các quy định về hàng hoá được hoàn thuế quy định tại Điều 11 Thông tư này;

b) Kiểm tra thực tế hàng hóa đối với hàng hoá phải kiểm tra thực tế theo nguyên tắc quản lý rủi ro;

c) Ghi kết quả kiểm tra; xác định mặt hàng, tính số tiền thuế giá trị gia tăng người nước ngoài thực tế được hoàn theo quy định tại Điều 12 Thông tư này; ký, đóng dấu xác nhận đã kiểm tra vào hoá đơn kiểm tờ khai hoàn thuế;

d) Cập nhật thông tin về người nước ngoài, số tiền thuế giá trị gia tăng người nước ngoài thực tế được hoàn vào cơ sở dữ liệu của cơ quan hải quan về hoàn thuế giá trị gia tăng cho người nước ngoài xuất cảnh theo mẫu quy định tại Phụ lục 4 Thông tư này.

Điều 20. Hoàn trả tiền thuế cho người nước ngoài

1. Sau khi hóa đơn kiểm tờ khai hoàn thuế và hàng hóa đã được cơ quan hải quan kiểm tra, người nước ngoài có trách nhiệm xuất trình cho ngân hàng thương mại tại quầy hoàn thuế:

a) Thẻ lên tàu bay/tàu biển;

b) Hoá đơn kiểm tờ khai hoàn thuế đã được cơ quan hải quan kiểm tra xác định mặt hàng, tính số tiền hoàn thuế giá trị gia tăng người nước ngoài được hoàn và đóng dấu xác nhận (bản chính).

2. Ngân hàng thương mại thực hiện:

a) Kiểm tra thẻ lên tàu bay/tàu biển; hoá đơn kiểm tờ khai hoàn thuế đã được cơ quan hải quan kiểm tra, đóng dấu xác nhận;

b) Ghi số hiệu, ngày tháng chuyến bay/chuyến tàu vào hoá đơn kiểm tờ khai hoàn thuế;

c) Trả tiền hoàn thuế cho người nước ngoài theo số tiền thuế giá trị gia tăng người nước ngoài thực tế được hoàn do cơ quan hải quan tính ghi trên hóa đơn kiểm tờ khai hoàn thuế, đồng thời ký tên, đóng dấu xác nhận đã thanh toán tiền hoàn thuế cho người nước ngoài lên hoá đơn kiểm tờ khai hoàn thuế;

d) Trả lại người nước ngoài thẻ lên tàu bay/tàu biển;

đ) Lưu trữ hồ sơ hoàn thuế theo quy định của pháp luật.

Điều 21. Thanh toán, hoàn trả số tiền thuế đã ứng trước, tiền phí dịch vụ hoàn thuế giá trị gia tăng

1. Định kỳ bảy (7) ngày một lần, ngân hàng thương mại căn cứ tình hình thực tế, lập và gửi hồ sơ đề nghị thanh toán, hoàn trả số tiền thuế đã ứng trước,

tiền phí dịch vụ hoàn thuế được hưởng đến Cục Thuế nơi Ngân hàng thương mại đăng ký, khai thuế. Hồ sơ gồm:

a) Văn bản đề nghị thanh toán số tiền thuế đã ứng trước, tiền phí dịch vụ hoàn thuế của kỳ thanh toán theo mẫu quy định tại Phụ lục 5 Thông tư này;

b) Bảng kê đề nghị thanh toán theo mẫu quy định tại Phụ lục 6 Thông tư này.

2. Trong thời hạn tối đa hai (02) ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị thanh toán của ngân hàng thương mại, Cục Thuế nơi Ngân hàng thương mại đăng ký, khai thuế ban hành Quyết định thanh toán theo mẫu quy định tại Phụ lục 7 Thông tư này đồng thời lập Lệnh hoàn trả khoản thu ngân sách nhà nước theo mẫu quy định ban hành kèm theo Thông tư số 156/2013/TT-BTC ngày 6/11/2013 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Quản lý thuế và Nghị định số 83/2013/NĐ-CP ngày 22/7/2013 của Chính phủ gửi Ngân hàng thương mại, Kho bạc Nhà nước đồng cấp để thực hiện chuyển tiền cho ngân hàng thương mại.

3. Căn cứ Quyết định thanh toán và Lệnh hoàn trả do Cục Thuế nơi Ngân hàng thương mại đăng ký, khai thuế ban hành, Kho bạc Nhà nước chuyển tiền cho ngân hàng thương mại. Nguồn tiền thanh toán được trích từ Quỹ hoàn thuế giá trị gia tăng.

4. Việc hạch toán và luân chuyển chứng từ thực hiện theo quy định tại khoản 1 và khoản 3 Điều 59 Thông tư số 156/2013/TT-BTC ngày 6/11/2013 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

Điều 22. Xử lý vi phạm

Người nước ngoài, người Việt Nam định cư tại nước ngoài, cơ quan thuế, cơ quan hải quan, công chức thuế, công chức hải quan, doanh nghiệp bán hàng hoàn thuế, ngân hàng thương mại hoặc tổ chức, cá nhân khác có liên quan vi phạm quy định tại Thông tư này thì bị xử phạt theo quy định tại Nghị định số 127/2013/NĐ-CP ngày 15/10/2013 của Chính phủ quy định việc xử lý vi phạm hành chính và cưỡng chế thi hành quyết định hành chính trong lĩnh vực hải quan, Nghị định 129/2013/NĐ-CP ngày 16/10/2013 của Chính phủ quy định về việc xử lý vi phạm pháp luật về thuế và cưỡng chế thi hành quyết định hành chính thuế và các văn bản hướng dẫn thực hiện các Nghị định này.

Điều 23. Chế độ báo cáo

1. Ngân hàng thương mại có trách nhiệm báo cáo Ngân hàng Nhà nước doanh số bán ngoại tệ cho người nước ngoài theo quy định.

2. Chậm nhất là ngày 20 của tháng tiếp theo của quý phát sinh nghĩa vụ thuế, doanh nghiệp bán hàng hoàn thuế báo cáo cơ quan thuế quản lý trực tiếp về việc bán hàng cho người nước ngoài theo mẫu tại Phụ lục 9 Thông tư này.

3. Định kỳ hàng tháng, chậm nhất vào ngày 10 của tháng sau, Cục Thuế nơi Ngân hàng thương mại, doanh nghiệp bán hàng đăng ký, khai thuế chủ trì phối hợp với Kho bạc Nhà nước, Cục Hải quan đồng cấp rà soát, đối chiếu số tiền thuế giá trị gia tăng doanh nghiệp bán hàng đã kê khai hoặc đã nộp, tiền thuế giá trị gia tăng và tiền phí dịch vụ hoàn thuế đã thanh toán cho ngân hàng thương mại để đảm bảo khớp đúng số liệu giữa các bên. Trường hợp số liệu không khớp đúng, các cơ quan phối hợp tìm nguyên nhân và xử lý bảo đảm việc hoàn thuế giá trị gia tăng cho người nước ngoài theo đúng quy định.

4. Cục Thuế nơi Ngân hàng thương mại đăng ký, khai thuế tổng hợp báo kết quả và tình hình thanh toán, hoàn trả tiền thuế đã ứng trước, tiền phí dịch vụ hoàn thuế cho ngân hàng thương mại; các Cục thuế tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương báo cáo kết quả, tình hình bán hàng cho người nước ngoài của doanh nghiệp bán hàng hoàn thuế theo địa bàn quản lý với Tổng cục Thuế theo chế độ quy định về quản lý thuế và Thông tư này.

5. Định kỳ 6 tháng một lần chậm nhất vào ngày 10 của tháng 7 và ngày 10 của tháng 1, Tổng cục Thuế, Tổng cục Hải quan báo cáo Bộ Tài chính việc thực hiện quy định về hoàn thuế giá trị gia tăng cho người nước ngoài xuất cảnh.

Mục 3

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 24. Quy định chuyển tiếp

Các đơn vị đang thực hiện thí điểm hoàn thuế giá trị gia tăng đối với hàng hóa của người nước ngoài mua tại Việt Nam mang theo khi xuất cảnh thì tiếp tục thực hiện hoàn thuế giá trị gia tăng theo quy định tại Thông tư này.

Điều 25. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/07/2014, thay thế Thông tư số 58/2012/TT-BTC ngày 12/4/2012 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Quyết định số 05/2012/QĐ-TTg ngày 19/1/2012 của Thủ tướng Chính phủ về việc thí điểm hoàn thuế giá trị gia tăng đối với hàng hóa của người nước ngoài mua tại Việt Nam mang theo khi xuất cảnh qua cửa khẩu sân bay quốc tế Nội Bài và sân bay quốc tế Tân Sơn Nhất; Quyết định số 1317/QĐ-BTC ngày 28/5/2012 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc đính chính Thông tư số 58/2012/TT-BTC của Bộ Tài chính hướng dẫn việc thực hiện một số nội dung của Quyết định số 05/2012/QĐ-TTg ngày 19/01/2012 của Thủ tướng Chính phủ về việc thí điểm hoàn thuế giá trị gia tăng đối với hàng hóa của người nước ngoài mua tại Việt Nam mang theo khi xuất cảnh qua cửa khẩu sân bay quốc tế Nội Bài và sân bay quốc tế Tân Sơn Nhất.

2. Trường hợp các văn bản liên quan đề cập tại Thông tư này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì thực hiện theo văn bản mới được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế đó.

3. Quá trình thực hiện có phát sinh vướng mắc, cơ quan Hải quan, cơ quan Thuế, doanh nghiệp, người nước ngoài thuộc đối tượng hoàn thuế giá trị gia tăng báo cáo, phản ánh cụ thể về Bộ Tài chính (Tổng cục Hải quan) để được hướng dẫn giải quyết.

Điều 26. Tổ chức thực hiện

1. Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan căn cứ vào quy định tại Thông tư này ban hành Quy trình thủ tục hải quan về kiểm tra hoá đơn kiểm tờ khai hoàn thuế, hàng hóa của người nước ngoài xuất cảnh, chuẩn bị cơ sở vật chất, bố trí cán bộ và phối hợp với Tổng cục Thuế hướng dẫn các đơn vị hải quan thực hiện việc hoàn thuế giá trị gia tăng cho người nước ngoài được thống nhất, bảo đảm vừa tạo điều kiện thông thoáng cho hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu, vừa thực hiện tốt công tác quản lý hải quan.

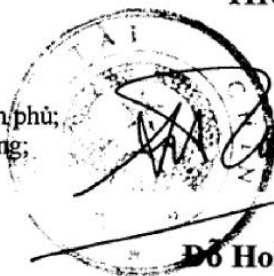
2. Tổng cục trưởng Tổng cục Thuế căn cứ vào quy định tại Thông tư này để ban hành Quy trình lựa chọn doanh nghiệp bán hàng; hướng dẫn cơ quan thuế các cấp, doanh nghiệp bán hàng, ngân hàng thương mại làm đại lý hoàn thuế, tổ chức, cá nhân có liên quan thực hiện hướng dẫn tại Thông tư này trong phạm vi trách nhiệm được giao.

3. Cơ quan hải quan, cơ quan thuế, công chức hải quan, công chức thuế, người nước ngoài, doanh nghiệp bán hàng, ngân hàng thương mại là đại lý hoàn thuế, các tổ chức, cá nhân có liên quan có trách nhiệm thực hiện đúng quy định tại Thông tư này.

Nơi nhận:

- VP TW Đảng và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- VP Quốc Hội, VP Chủ tịch nước, VPCP;
- Viện kiểm sát NDTC, Toà án NDTC;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- Văn phòng BCĐ TW về phòng chống tham nhũng;
- Cơ quan TW của các đoàn thể;
- UBND tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam;
- Công báo;
- Cục kiểm tra văn bản - Bộ Tư pháp;
- Website Chính phủ;
- Các đơn vị thuộc Bộ Tài chính, Website Bộ Tài chính;
- Cục Hải quan các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Cục Thuế các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Website Bộ Tài chính, Bộ Ngoại giao, Bộ Văn hóa thể thao du lịch, Tổng cục du lịch;
- Website Tổng cục Hải quan, Tổng cục Thuế;
- Lưu:VT; TCHQ (276).

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Đỗ Hoàng Anh Tuấn

(Ban hành kèm theo Thông tư số 72/2014/TT-BTC ngày 30/5/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

Tên doanh nghiệp

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày..... tháng... năm 20...

V/v Đăng ký bán hàng
hoàn thuế giá trị gia tăng

Kính gửi: Cục Thuế/Chi cục Thuế.....

Tên doanh nghiệp:(1).....

Mã số thuế:.....

Địa chỉ:..... (1).....

Số điện thoại..... ; Số Fax:..... Email.....

Ngành nghề kinh doanh:.....(chỉ kê ngành nghề kinh doanh liên quan đến việc đăng ký cửa hàng bán hàng hoàn thuế giá trị gia tăng)

Nay,.....(1).....đăng ký bán hàng hoàn thuế giá trị gia tăng cho người nước ngoài theo quy định tại Thông tư số 72/2014/TT-BTC ngày 30/5/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính, tại:

- Chi nhánh(1)..... địa chỉ:.....(1).....

- Cửa hàng (2) địa chỉ:.....(2).....

- Cửa hàng đại lý ... (2) địa chỉ:.....(2).....

..... (1) cam kết kinh doanh bán hàng hoàn thuế tại các địa điểm nêu trên và chịu trách nhiệm trước pháp luật về cam kết này.

.....(1)..... kính đề nghị Cục Thuế/Chi cục Thuế..... công nhận(1) là doanh nghiệp bán hàng hoàn thuế giá trị gia tăng cho người nước ngoài xuất cảnh.

Nơi nhận:

- Như trên;

- Lưu ...

Người đại diện pháp luật của doanh nghiệp

(ký tên, đóng dấu)

Ghi chú: (1): Ghi tên, địa chỉ doanh nghiệp, chi nhánh doanh nghiệp đăng ký;

(2): Ghi tên, địa chỉ cửa hàng của doanh nghiệp/cửa hàng đại lý (nếu nhiều địa điểm thì lập Bảng kê danh sách kèm theo).

(3): Trường hợp doanh nghiệp đăng ký điểm bán hàng cho chi nhánh, cửa hàng, cửa hàng đại lý thì gửi cho cơ quan thuế nơi quản lý chi nhánh, cửa hàng, cửa hàng đại lý 01 bản để biết và thực hiện.

Phụ lục 2

(Ban hành kèm theo Thông tư số 72/2014/TT-BTC ngày 30/5/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

**TỔNG CỤC THUẾ
CỤC THUẾ...**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /CT-

Hà Nội, ngày tháng năm

V/v công nhận doanh nghiệp bán
hàng hoàn thuế GTGT

Kính gửi:(1).....

Cục Thuế(2).....nhận được công văn số của ... (1).... đề nghị được tham gia bán hàng hoàn thuế giá trị gia tăng đối với hàng hoá của người nước ngoài mua tại Việt Nam mang theo khi xuất cảnh. Sau khi xem xét hồ sơ.....(1)..... gửi, Cục Thuế...(2)... có ý kiến như sau:

- Căn cứ Luật thuế giá trị gia tăng số 13/2008/QH12 ngày 3 tháng 6 năm 2008; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thuế giá trị gia tăng số 31/2013/QH13 ngày 19 tháng 6 năm 2013;

- Căn cứ Nghị định số 209/2013/NĐ-CP ngày 18/12/2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều Luật thuế giá trị gia tăng;

- Căn cứ Thông tư số 72/2014/TT-BTC ngày 30/5/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

Cục Thuế ... (2).... công nhận (1).....; Mã số thuế..... địa chỉ tại.....(3) là doanh nghiệp bán hàng hoàn thuế giá trị gia tăng đối với hàng hoá của người nước ngoài mua tại Việt Nam mang theo khi xuất cảnh.

.....(1) có nghĩa vụ thực hiện đúng quy định về việc bán hàng hoàn thuế theo quy định tại Thông tư số 72/2014/TT-BTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính và chịu trách nhiệm trước pháp luật về việc đăng ký bán hàng hoàn thuế.

Cục Thuế...(2)... thông báo để(1)..... biết ./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ Tài chính (để báo cáo);
- Tổng cục Thuế, TCHQ (để báo cáo);
- Chi Cục Thuế.....;
- Lưu: VT,

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN THUẾ

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Ghi chú: (1) Ghi tên doanh nghiệp đăng ký bán hàng hoàn thuế

(2) Ghi tên Cục thuế địa phương lựa chọn và công nhận doanh nghiệp bán hàng hoàn thuế

(3) Ghi tên, địa chỉ cửa hàng hoặc đại lý bán hàng của doanh nghiệp. Nếu nhiều địa điểm thì lập Bảng kê danh sách kèm theo.

Phụ lục 3

(Ban hành kèm theo Thông tư số 72/2014/TT-BTC ngày 30/5/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)
 Appendix 3 (issued with Circular No 72/2014/TT-BTC dated 30/5/2014 by Minister of Finance)

Trang 1 (page 1)

Mẫu số (Form No):

Ký hiệu (Reference No):

Số (No):

**HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG KIỂM TỜ KHAI HOÀN THUẾ
 (VAT INVOICE CUM TAX REFUND DECLARATION)**

Liên 1: Lưu (Copy 1: For archive)

.....ngày.....tháng.....năm.....(.....day month year.....)

PHẦN A (do cửa hàng ghi) PART A (completed by retailer)					
1. Thông tin về doanh nghiệp (Company's information)					
a. Tên đơn vị bán hàng (Name of retailer):.....					
b. Mã số thuế (Tax code):.....					
c. Địa chỉ (Address):					
2. Thông tin về khách hàng (Tourist's information)					
a. Họ và tên (Full name):.....					
b. Số hộ chiếu (Passport number)/Giấy tờ nhập xuất cảnh (Entry or exit documents):					
c. Quốc tịch (Nationality):.....					
3. Thông tin về hàng hoá (Commodities' information)					
STT (No)	Tên hàng hoá (Name of Commodities)	Đơn vị tính (Unit of measurement)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Amount)
1	A				
2	B				
3	C				
...	...				
Tổng tiền hàng (Total):					
Thuế suất (Tax rate):			Thuế GTGT (VAT):		
Tổng cộng tiền thanh toán (Total payment):					
Số tiền viết bằng chữ (Total payment by word):					
Người nước ngoài mua hàng (Tourist) (Ký, ghi rõ họ tên) Signature and full name			Đại diện đơn vị bán hàng (Seller) (Ký, đóng dấu (nếu có), ghi rõ họ tên) (Signature, stamp (if applicable) and full name)		

Ghi chú:

- Liên 1: Lưu (Copy 1: For archive)
- Liên 2: Giao cho người mua (Copy 2: For the Tourist)

Trang 1/2 (page 1/2)

**HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG KIỂM TỜ KHAI HOÀN THUẾ
(VAT INVOICE CUM TAX REFUND DECLARATION)**

Liên 1: Lưu (Copy 1: For archive)

.....ngày.....tháng.....năm.....(.....day.....month.....year.....)

Thông tin quan trọng cho người nước ngoài (Important notice to tourists)				
<p>- Bạn phải đáp ứng đầy đủ điều kiện tại Thông tư số 72/2014/TT-BTC ngày 30/5/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính để được hoàn thuế giá trị gia tăng; (Tourists must fulfill all the conditions specified in Circular No 72/2014/TT-BTC dated 30/5/2014 by the Minister of Finance to be eligible for VAT refund)</p> <p>- Bạn phải làm thủ tục hoàn thuế trong vòng 60 ngày kể từ ngày mua hàng (kể từ ngày phát hành hoá đơn); (Tourists must claim for VAT refund within 60 days from the date of purchase (from the date of issuing invoice))</p> <p>- Bạn được hoàn thuế GTGT khi đi đường hàng không/ đường biển tại sân bay quốc tế/ cảng biển quốc tế. (Tourists shall claim for VAT refund when departing from International Airport/ International Seaport)</p>				
Phần B (Dành cho cơ quan hải quan) (Part B (completed by customs))				
<p>Ghi kết quả kiểm tra hoá đơn kiểm tờ khai hoàn thuế, hàng hoá, tính số thuế giá trị gia tăng người nước ngoài được hoàn (Examination results of VAT refund invoice and declaration, goods; calculation of VAT amount refunded to tourist)</p> <p>- Kết quả kiểm tra hàng hóa, tính số thuế GTGT được hoàn (Result of goods examination, calculation of VAT refund amount):</p>				
STT (No)	Tên hàng (Name of goods)	Số lượng (Quantity)	Số tiền thuế GTGT ghi trên hóa đơn kiểm tờ khai hoàn thuế (VAT amount declared in VAT refund invoice and declaration)	Số tiền thuế GTGT được hoàn theo công thức quy định tại Điều 12 Thông tư số 72/2014/TT-BTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính (VAT amount refunded to tourist using the formula stated in Article 12 of the Circular 72/2014/TT-BTC of the Minister of Finance)
1	A			
2	B			
3	C			
....	...			
Tổng cộng (Total)				
<p align="center">.....ngày.....tháng.....năm.....(.....day.....month.....year.....) Người kiểm tra (Examination officer) (Ký, đóng dấu công chức, ghi rõ họ tên) (Signature, stamp and full name)</p>				
PHẦN C (Dành cho ngân hàng thương mại là đại lý hoàn thuế) Part C (completed by commercial bank approved as VAT refund agent)				
<p>- Số hiệu, ngày tháng chuyến bay/chuyến tàu của người nước ngoài xuất cảnh: (Date and number of the Flight/Ship of the tourist)</p> <p>- Số tiền thuế hoàn cho người nước ngoài xuất cảnh: (VAT amount refunded for the tourist)</p> <p align="center">.....ngày.....tháng.....năm.....(.....day.....month.....year.....) (Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên) (Signature, stamp and full name)</p>				
PHẦN D (Phần dành cho người nước ngoài) Part D (completed by the tourist) Xác nhận đã nhận được tiền hoàn thuế (Confirmation of the receipt of VAT refunds)				
<p align="center">Người nước ngoài (Tourist) (Ký, ghi rõ họ tên) (Signature and full name)</p>				

Ghi chú:

- Liên 1: Lưu (Copy 1: For archive)

- Liên 2: Giao cho người mua (Copy 2: For the Tourist)

(Ban hành kèm theo Thông tư số 72/2014/TT-BTC ngày 30/5/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

CỤC HẢI QUAN.....

Chi Cục Hải quan....

**CƠ SỞ DỮ LIỆU CỦA CƠ QUAN HẢI QUAN VỀ HOÀN THUẾ GIÁ TRỊ GIA TĂNG
CHO NGƯỜI NƯỚC NGOÀI XUẤT CẢNH**

Đơn vị tính:

STT	Thông tin về người nước ngoài				Số tiền thuế GTGT người nước ngoài thực tế được hoàn
	Họ và tên	Hộ chiếu			
		Số	Ngày cấp	Quốc tịch	
1	A				
2	B				
3	C				
....	...				

..... ngày tháng năm

Người cập nhật

(Công chức hải quan ký, ghi rõ họ tên)

(Ban hành kèm theo Thông tư số 72/2014/TT-BTC ngày 30/5/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

Tên Ngân hàng thương mại

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

V/v thanh toán tiền hoàn thuế giá trị gia tăng ngày..... tháng... năm 20...
và tiền phí dịch vụ hoàn thuế.

Kính gửi: Cục Thuế

Tên Ngân hàng thương mại: (1).....

Mã số thuế:.....

Địa chỉ:.....

Số điện thoại..... ; Số Fax:.....Email.....

Ngân hàng...(1).....là đại lý hoàn thuế giá trị gia tăng cho người nước ngoài theo công văn số.....ngày của Bộ Tài chính.....

Trong thời gian từ ngày.....đến ngày.....Ngân hàng...(1).....đã ứng trước và hoàn trả cho người nước ngoài số tiền thuế giá trị gia tăng là:.....đồng và được hưởng số tiền phí dịch vụ hoàn thuế là.....đồng. Chi tiết theo Bảng kê kèm theo.

Đề nghị Cục Thuế.....thực hiện thanh toán số tiền trên vào Tài khoản số.....tại Ngân hàng.....theo quy định.

Ngân hàng...(1).....cam kết số liệu kê khai tại công văn này và Bảng kê kèm theo là đúng và chịu trách nhiệm về những số liệu đã khai.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu ...

Người đại diện pháp luật của doanh nghiệp

(ký tên, đóng dấu)

(Ban hành kèm theo Thông t.r số 72/2014/TT-BTC ngày 30/5/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

Số BK...../201....

BẢNG KÊ ĐỀ NGHỊ THANH TOÁN TIỀN THUẾ GIÁ TRỊ GIA TĂNG ỨNG TRƯỚC HOÀN TRẢ CHO NGƯỜI NƯỚC NGOÀI VÀ PHÍ DỊCH VỤ HOÀN THUẾ

(Kèm theo công văn số..... đề nghị thực hiện thanh toán tiền thuế giá trị gia tăng ngân hàng thương mại đã ứng trước hoàn trả cho người nước ngoài xuất cảnh và tiền dịch vụ hoàn thuế hàng được hưởng, từ ngày..... đến ngày.....)

STT	Hoá đơn GTGT (kiểm tờ khai hoàn thuế)			Số tiền đề nghị thanh toán			Ghi chú	
	Ký hiệu/Số/ ngày tháng năm phát hành	Tên doanh nghiệp bán hàng/MST	Số tiền thuế giá trị gia tăng ghi trên hóa đơn	Ngày đã hoàn thuế cho người nước ngoài	Số tiền thuế giá trị gia tăng ngân hàng thương mại đã ứng trước hoàn cho người nước ngoài xuất cảnh	Số tiền dịch vụ ngân hàng thương mại được hưởng		Tổng số tiền đề nghị thanh toán
1	2	3	4	5	6	7	8=6+7	9
1								
2								
...								
Tổng cộng								

Đơn vị tính : Đồng Việt Nam (VND)

Tổng số tiền đề nghị thanh toán bằng chữ:

....., ngày.....tháng.....năm.....
ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI
 (Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

(Ban hành kèm theo Thông tư số 72/2014/TT-BTC ngày 30/5/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)
THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN THUẾ **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
RA QUYẾT ĐỊNH **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số.....

.....ngày.....tháng.....năm.....

QUYẾT ĐỊNH

Về việc thanh toán cho ngân hàng thương mại số tiền đã ứng trước để hoàn trả thuế giá trị gia tăng cho người nước ngoài xuất cảnh và phí dịch vụ hoàn thuế ngân hàng thương mại được hưởng

CỤC TRƯỞNG CỤC THUẾ

- Căn cứ Luật Quản lý thuế số 78/2006/QH10 ngày 29 tháng 11 năm 2006; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều Luật quản lý thuế 21/2012/QH13 ngày 20 tháng 11 năm 2012 và các văn bản hướng dẫn thi hành các Luật này;

- Căn cứ Luật thuế giá trị gia tăng số 13/2008/QH12 ngày 3 tháng 6 năm 2008; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thuế giá trị gia tăng số 31/2013/QH13 ngày 19 tháng 6 năm 2013;

- Căn cứ Nghị định số 209/2013/NĐ-CP ngày 18/12/2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều Luật thuế giá trị gia tăng;

- Căn cứ Thông tư số 72/2014/TT-BTC ngày 30/5/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

Xét đề nghị của Ngân hàng..... tại công văn số... ngày.... về việc đề nghị thanh toán tiền đã ứng trước để hoàn trả thuế GTGT cho người nước ngoài xuất cảnh và phí dịch vụ hoàn thuế ngân hàng thương mại được hưởng.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thanh toán cho ngân hàng thương mại.....(mã số thuế....), số tiền đã ứng trước để hoàn trả thuế GTGT cho người nước ngoài xuất cảnh và phí dịch vụ hoàn thuế ngân hàng thương mại được hưởng, kỳ đề nghị thanh toán từ ngày...../...../.....đến ngày/...../..... là.....đồng

(bằng chữ:.....), trong đó:

- Số tiền đã ứng trước để hoàn trả thuế GTGT cho người nước ngoài:.....đồng.
- Số tiền phí dịch vụ được hưởng:đồng.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Ngân hàng.....,
...(Trường các bộ phận có liên quan của cơ quan thuế) và các đơn vị liên quan
chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Kho Bạc Nhà nước (để phối hợp);
- Cục HQ...(để phối hợp);
- Lưu..., VT

**THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN THUẾ
RA QUYẾT ĐỊNH**

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Tên doanh nghiệp

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày..... tháng... năm 20...

V/v điều chỉnh việc bán hàng
hoàn thuế GTGT cho
người nước ngoài

Kính gửi: Cục Thuế/Chi cục Thuế.....

Tên doanh nghiệp: (1).....

Mã số thuế:.....

Địa chỉ:.....

Số điện thoại.....; Số Fax:.....Email.....

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số:.....ngàytháng.....năm....

Cơ quan cấp:.....

Ngành nghề kinh doanh:.....(chỉ kê ngành nghề kinh doanh liên quan đến
việc đăng ký cửa hàng bán hàng hoàn thuế giá trị gia tăng)

Ngày.....doanh nghiệp ...(1) đã được Cục Thuế...(2).....công nhận là doanh
nghiệp bán hàng hoàn thuế giá trị gia tăng đối với hàng hoá của người nước ngoài
mua tại Việt Nam mang theo khi xuất cảnh.

Nay, do...(3).....đề nghị Cục Thuếđiều chỉnh/bổ sung:

- Cửa hàng (địa chỉ):.....(4).....

- Đại lý bán hàng cho doanh nghiệp (địa chỉ):.....(4).....

- Kinh doanh các mặt hàng:.....

Được điều chỉnh việc bán hàng hoàn thuế giá trị gia tăng đối với hàng hoá
của người nước ngoài mua tại Việt Nam mang theo khi xuất cảnh theo quy định
tại theo quy định tại Thông tư số 72/2014/TT-BTC ngày 30/5/2014 của Bộ
trưởng Bộ Tài chính.

..... (1) cam kết thực hiện và chịu trách nhiệm trước pháp luật
về cam kết này.

.....(1) kính đề nghị Cục Thuế/Chi cục Thuế..... điều
chỉnh(4) doanh nghiệp bán hàng hoàn thuế giá trị gia tăng cho người
nước ngoài xuất cảnh.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu ...

Người đại diện pháp luật của doanh nghiệp

(ký tên, đóng dấu)

Ghi chú: (1): ghi tên doanh nghiệp đăng ký; (2) Ghi tên Cục thuế đã cấp giấy công nhận doanh nghiệp bán hàng hoàn thuế; (3): ghi lý do sửa đổi, bổ sung, điều chỉnh; (4) Ghi nội dung đề nghị điều chỉnh

(Ban hành kèm theo Thông tư số 72/2014/TT-BTC ngày 30/5/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

Tên doanh nghiệp

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày..... tháng... năm 20...

V/v Báo cáo định kỳ hàng quý việc
bán hàng hoàn thuế giá trị gia tăng

Kính gửi: Cục Thuế/Chi cục Thuế.....

Tên doanh nghiệp: (1).....

Mã số thuế:.....

Địa chỉ cửa hàng/đại lý của cửa hàng (2):.....

Văn bản của Cục Thuế..... công nhận doanh nghiệp bán hàng hoàn thuế giá trị gia tăng số..... ngày:.....

Báo cáo việc bán hàng hoàn thuế giá trị gia tăng cho người nước ngoài xuất cảnh theo quy định tại Thông tư số 72/2014/TT-BTC ngày 30/5/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính như sau:

1. Tổng số hóa đơn bán hàng:
2. Tổng số doanh thu ghi trên hóa đơn:
3. Tổng số thuế giá trị gia tăng:
4. Kỳ tính thuế:tháng.....năm....

.....(1) báo cáo đề Cục Thuế/Chi cục Thuế.....biết./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu ...

Người đại diện pháp luật của doanh nghiệp
(ký tên, đóng dấu)

Ghi chú: (1): Ghi tên doanh nghiệp

(2): Ghi tên cửa hàng của doanh nghiệp/cửa hàng đại lý (nếu nhiều cửa hàng thì mỗi cửa hàng lập báo cáo riêng kèm theo công văn báo cáo).